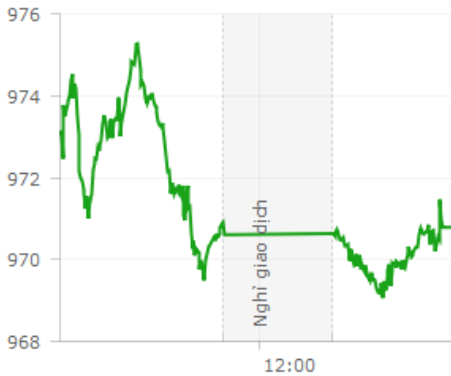


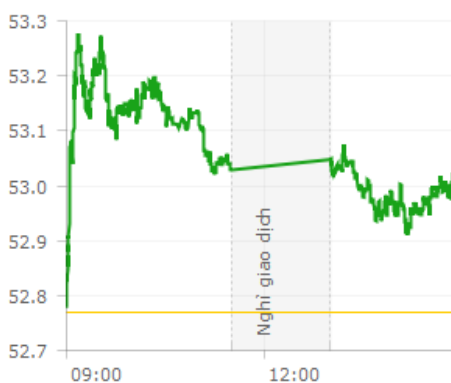
Vn-index: 8.23 điểm (0.85%)



Hnx-index: 0.79 điểm (0.73%)



Upcom-index: 0.21 điểm (0.40%)



Phục Hồi Tăng Điểm Phiên Thứ 2 Liên Tiếp Với Thanh Khoản Thấp!

Tổng hợp: (Phiên giao dịch ngày 17/10/2018). Thị trường thế giới có phiên khởi sắc, giúp thị trường chứng khoán Việt Nam có phiên tăng điểm thứ 2 liên tiếp, nhưng tâm lý của đầu tư vẫn khá thận trọng, khiến thanh khoản chưa được cải thiện. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 8,23 điểm (0,85%) lên 971,6 điểm với khối lượng giao dịch đạt 152,27 triệu CP, trị giá 3.808 tỷ đồng; HNX-Index tăng 0,79 điểm (0,73%) lên 109,39 điểm với khối lượng giao dịch đạt 43,5 triệu CP, trị giá 555 tỷ đồng.

Thanh khoản: Thanh khoản thị trường vẫn ở mức thấp với tổng khối lượng giao dịch trên 2 sàn đạt 196 triệu cổ phiếu, tương ứng tổng giá trị giao dịch đạt 4.363 tỷ đồng. Trong đó, giao dịch thỏa thuận chiếm 18,4 triệu CP, trị giá 671,5 tỷ đồng. Đáng chú ý có giao dịch thỏa thuận của 1,3 triệu CP NVL trị giá 100,75 tỷ đồng; 858,37 nghìn CP VHM trị giá 65,6 tỷ đồng; 400 nghìn CP GAS trị giá 46,8 tỷ đồng; 356,38 nghìn CP VNM trị giá 45,17 tỷ đồng...

Điểm nhấn: Diễn biến khá tích cực trên cả 2 sàn và duy trì cho đến hết phiên trong ngày giao dịch hôm nay. Dẫn dắt cho đà tăng của thị trường vẫn là 2 dòng CP quen thuộc dầu khí và ngân hàng. Trong đó nổi bật nhất trong phiên hôm nay là dòng dầu khí, được hỗ trợ từ giá dầu tăng mạnh trong phiên hôm qua, khiến cho hầu hết các mã đầu ngành đều đồng loạt bút phá. PVD tăng 4,6% lên 19.350 đồng/CP. PVS tăng 3,9% lên 21.100 đồng/CP. PVB tăng 4,5% lên 21.100 đồng/CP. OIL tăng 2,7%, PVC tăng 2,7%, BSR tăng 2,4%... Song hành với nhóm dầu khí, các CP ngân hàng cũng có một phiên tăng điểm khá tốt. BID tăng 3,3% lên 34.600 đồng/CP và khớp lệnh hơn 2,87 triệu cổ phiếu, SHB tăng 1,2% lên 8.300 đồng/CP khớp 5,4 triệu CP, TCB, TPB, EIB đều tăng 1,4%, ACB, CTG tăng 0,6%...

Bên cạnh đó, khá nhiều CP Bluechips như VHM, VIC, VRE, MWG, PNJ, VJC, FPT, GAS, HPG, BVH...cũng đồng loạt tăng điểm giúp đà tăng được củng cố vững chắc về cuối phiên. Ấn tượng nhất là VHM chốt phiên tăng mạnh 2,4% lên 76.400 đồng/CP, MSN tăng 3,1% lên 81.000 đồng/CP. Ngoài ra, các nhóm cổ phiếu chứng khoán, bất động sản, xây dựng nhìn chung cũng có phiên hồi phục tốt giúp thị trường trở nên tương đối sôi động.

Phân tích kỹ thuật Vn-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy
 Xu thế trung hạn: Điều chỉnh
 Xu thế dài hạn: Tăng

Khôi ngoại: Trong khi nhà đầu tư trong nước thận trọng bơm tiền giúp thị trường tiến bước, thì khối ngoại tiếp tục đẩy mạnh xả các cổ phiếu lớn và có phiên bán ròng thứ 2 liên tiếp trong ngày giao dịch 17/10. Trên sàn HOSE, khối ngoại đã mua ròng 1,21 triệu cổ phiếu trong phiên hôm nay, nhưng xét về giá trị họ đã bán ròng gần 80 tỷ đồng. Trên HNX, sau 2 phiên bán ròng, khối ngoại đã trở lại mua ròng 320 nghìn cổ phiếu, tương ứng giá trị 4,92 tỷ đồng.

Phân tích kỹ thuật Hnx-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy
Xu thế trung hạn: Điều chỉnh
Xu thế dài hạn: Tăng

Nhóm ngành: Đồng thuận giữ được sắc xanh trên cả 2 chỉ số khiến cho số ngành tăng điểm chiếm ưu thế hơn so với số ngành giảm điểm. Cụ thể, có 16/18 nhóm tăng điểm, dẫn đầu là nhóm truyền thông tăng 5,87%, tăng thứ 2 với mức tăng 1,14% của nhóm BĐS và theo sau là 2 nhóm dịch vụ tài chính và thực phẩm với mức tăng là lần lượt 1,07% và 1,04%. Các nhóm du lịch, ngân hàng, công nghiệp, thông tin, dầu khí, tài nguyên cơ bản đều tăng trên 0,5% và dưới 1%, còn lại các nhóm ngành khác có mức tăng nhẹ. Ở chiều giảm điểm, chỉ có 2 nhóm ngành giảm và giảm với mức không đáng kể, nhóm ngành hóa chất giảm (-0,03%) và Xây dựng & Vật liệu giảm (-0,07%).

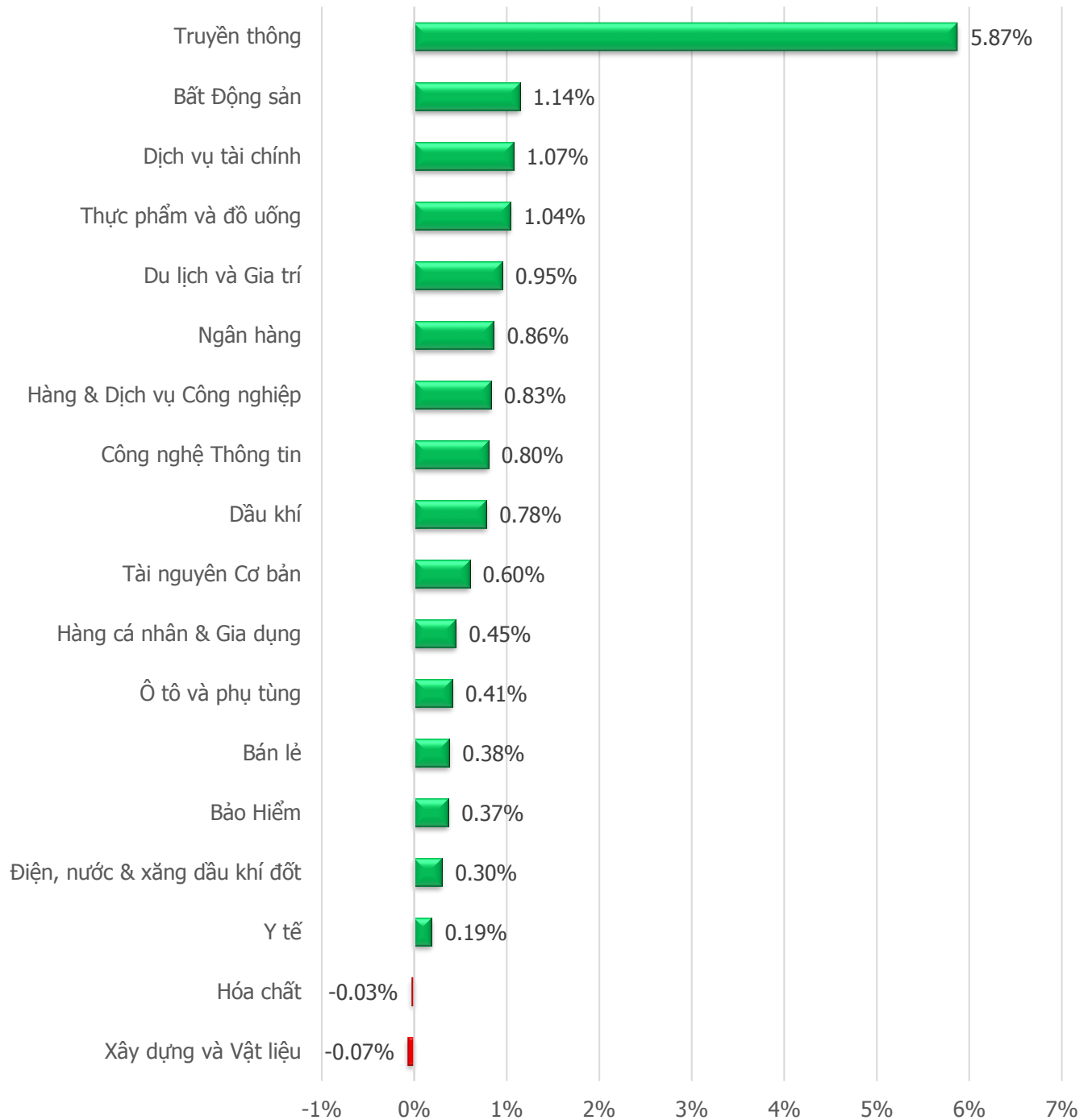
Nhóm CP vốn hóa lớn: Trong Top 10 mã vốn hóa lớn nhất trên HOSE, ngoại trừ VCB đứng giá tham chiếu, còn lại đều tăng giá. Tăng mạnh nhất là BID với 3,28%, lên 34.600 đồng, MSN cũng tăng 3,05%, lên 81.000 đồng. Tiếp đến, VHM tăng 2,41%, lên 76.400 đồng, TCB tăng 1,39%, lên 29.100 đồng, VNM tăng 0,71%, lên 126.900 đồng, CTG tăng 0,6%, lên 25.300 đồng, SAB tăng 0,45%, lên 223.000 đồng, VIC tăng 0,41%, lên 99.000 đồng và GAS tăng 0,26%, lên 117.100 đồng...

Nhóm CP thanh khoản: STB sau phiên khởi sắc hôm qua cũng quay đầu giảm nhẹ 0,37%, xuống 13.550 đồng, nhưng thanh khoản vẫn dẫn đầu sàn HOSE với 8,92 triệu đơn vị. Tiếp đến là MBB với 7 triệu đơn vị và cũng đóng cửa giảm nhẹ 0,46%, xuống 21.650 đồng. HPG đứng thứ 3 khớp tới 5,1 triệu CP, HAG khớp 4,9 triệu CP, HBC khớp 4,8 triệu CP...

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ: Thị trường tiếp tục có phiên phục hồi thứ 2 liên tiếp trước sự đồng loạt tăng điểm của các chỉ số lớn trên thế giới thể giới. Tuy nhiên, biên độ cũng như thanh khoản chưa có sự đột phá, mà vẫn duy trì ở mức trung bình. Phần lớn tâm lý của nhà đầu tư vẫn rất thận trọng khi đã dư âm bán tháo của các phiên tuần trước vẫn đang đeo bám trong suy nghĩ. Xét về kỹ thuật, 2 phiên phục hồi vừa rồi, chưa phát đi một dấu hiệu rõ ràng cho xu hướng tăng điểm, các chỉ số vẫn liên tục đóng cửa nằm dưới đường trung bình MA65 ngày. Vì thế, theo trường phái an toàn của nguồn vốn, chúng tôi vẫn tiếp tục duy trì trạng thái quan sát, kiên nhẫn chờ đợi thêm những tín hiệu tích cực rõ ràng trước khi mở thêm vị thế giải ngân.

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU THEO NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
TTF	5,510	360	6.99%	1,159,530
HTT	2,300	150	6.98%	627,980
YEG	268,600	17,500	6.97%	15,440
HVG	5,840	380	6.96%	257,150
DHM	5,380	350	6.96%	435,940

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
DCS	1,100	100	10.00%	67,300
CSC	40,800	3,700	9.97%	79,695
SRA	69,100	6,200	9.86%	32,715
PJC	33,600	3,000	9.80%	100
MHL	4,500	400	9.76%	500

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SKG	19,950	-1,500	-6.99%	819,330
LMH	12,000	-900	-6.98%	238,130
APC	38,700	-2,900	-6.97%	159,470
HCD	8,580	-640	-6.94%	592,500
HAS	8,470	-630	-6.92%	370

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SDG	26,100	-2,900	-10.00%	100
CAP	40,500	-9,100	-10.00%	47,020
HGM	41,500	-3,200	-9.98%	200
CTX	29,000	-1,500	-9.94%	200
VXB	13,600	-2,800	-9.93%	100

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HAG	5,170	-80	-1.52%	4,971,490
HBC	24,900	1,000	4.18%	4,798,950
BID	34,600	1,100	3.28%	2,870,340
ROS	38,500	-1,500	-3.75%	1,951,170
HDB	37,150	150	0.41%	1,543,500

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HUT	6,000	200	3.45%	4,682,752
ACM	900	0	0.00%	1,565,900
BII	1,300	100	8.33%	1,303,902
VIG	1,800	0	0.00%	1,125,902
VGP	20,000	200	1.01%	679,100

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

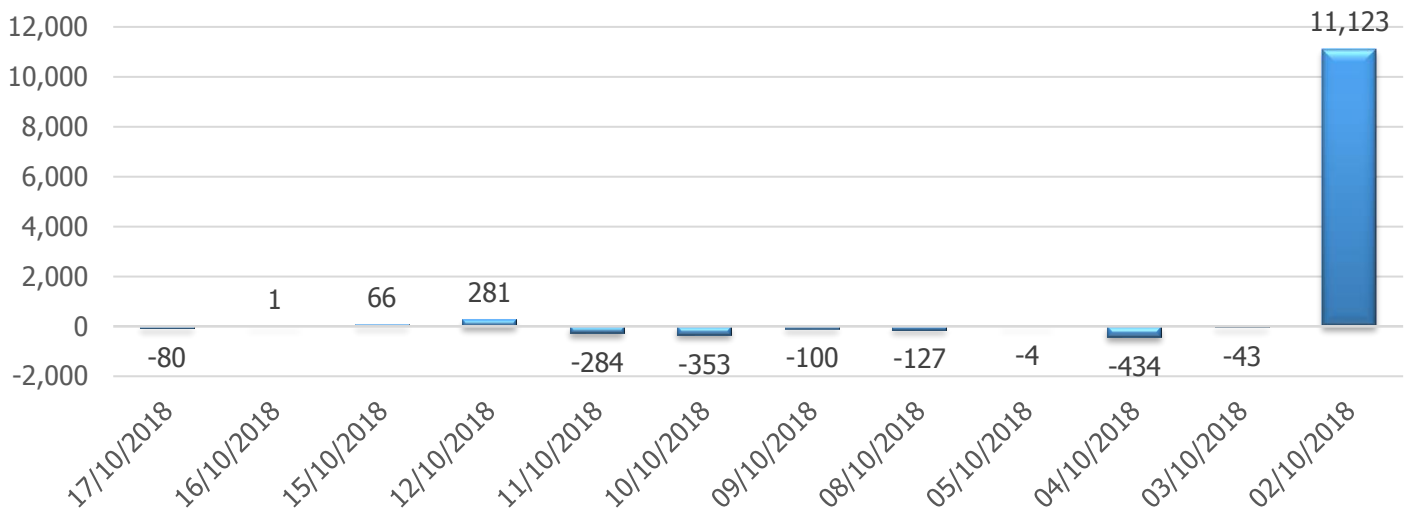
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	13,550	-50	-0.37%	8,921,720
MBB	21,650	-100	-0.46%	7,054,300
HPG	41,000	250	0.61%	5,125,430
HAG	5,170	-80	-1.52%	4,971,490
HBC	24,900	1,000	4.18%	4,798,950

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

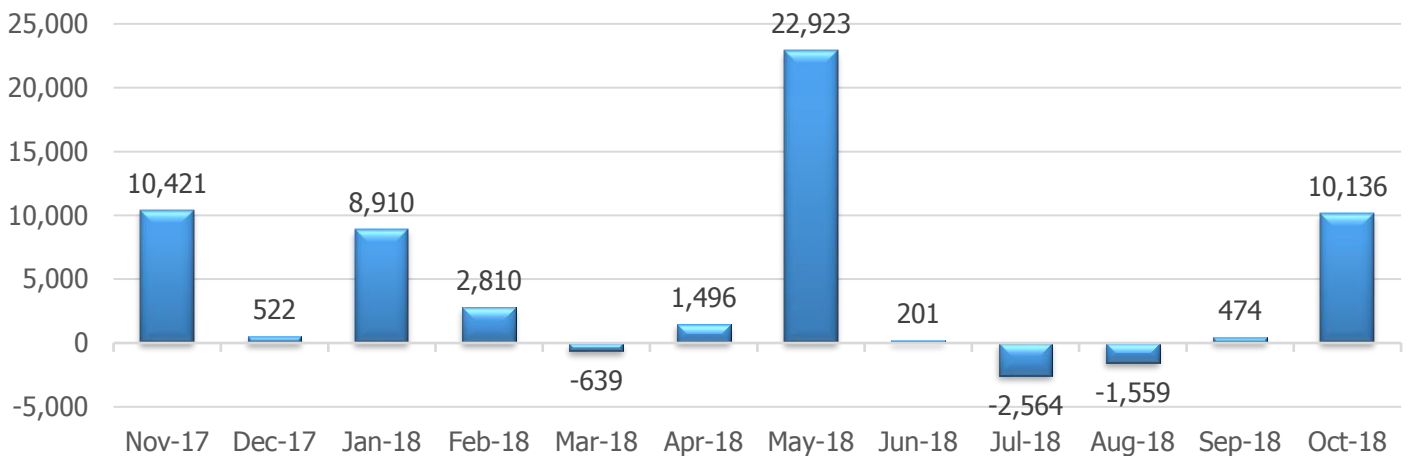
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	8,300	100	1.22%	5,370,738
PVS	21,100	800	3.94%	4,927,436
HUT	6,000	200	3.45%	4,682,752
ACB	31,500	200	0.64%	2,292,759
ACM	900	0	0.00%	1,565,900

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
BID	39.01	VIC	92.27
HBC	29.63	GAS	30.32
BMP	12.97	PLX	29.13
HPG	12.27	VCB	27.76
NKG	10.83	VNM	21.65

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
SHB	3.15	CSC	1.02
VGC	1.24	HUT	1.01
VCS	0.98	VIX	0.36
CEO	0.51	TV2	0.25
PVS	0.49	HHG	0.13

DANH MỤC MỘT SỐ QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LỚN TẠI VIỆT NAM

Vina Capital (VOF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	13.40%	86,549	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.61	2.37	5,828,059	41,000	50.13%
2	VNM	10.90%	219,420	14,956	5,631	28.5%	38.9%	22.38	8.42	1,063,870	126,900	4.72%
3	ACV	9.00%	177,787	12,877	2,559	11.1%	20.3%	31.91	6.34	109,473	82,200	19.89%
4	KDH	6.30%	13,704	15,666	1,500	5.5%	8.5%	22.07	2.11	287,672	33,100	36.16%
5	PNJ	6.10%	16,798	20,764	5,341	18.8%	28.3%	19.40	4.99	534,319	104,000	43.99%
6	VJC	4.70%	74,201	21,699	8,715	15.1%	45.4%	15.72	6.31	751,580	139,200	51.72%
7	QNS	3.20%	12,637	16,802	3,697	14.7%	23.7%	11.68	2.57	251,367	44,100	-19.60%
8	EIB	3.10%	16,966	12,183	1,003	0.9%	8.6%	13.75	1.13	2,282,551	14,000	22.12%
9	CTD	3.00%	12,307	97,180	21,408	11.2%	22.5%	7.34	1.62	220,013	157,500	-23.01%
10	PVS	2.60%	9,068	23,998	1,621	3.1%	6.0%	12.53	0.85	5,224,950	21,100	29.06%
	Tổng	62.80%										

Dragon Capital (VEIL)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	ACB	7.20%	39,036	14,688	2,887	1.2%	21.5%	10.84	2.13	4,471,081	31,500	21.08%
2	MWG	7.20%	41,133	23,262	8,487	12.2%	41.3%	15.01	5.48	608,848	128,000	1.34%
3	MBB	7.07%	46,990	13,767	2,083	1.4%	14.9%	10.44	1.58	6,062,194	21,650	14.44%
4	VNM	6.27%	219,420	14,956	5,631	28.5%	38.9%	22.38	8.42	1,063,870	126,900	4.72%
5	KDH	5.13%	13,704	15,666	1,500	5.5%	8.5%	22.07	2.11	287,672	33,100	36.16%
6	HPG	4.04%	86,549	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.61	2.37	5,828,059	41,000	50.13%
7	FPT	4.00%	26,536	19,170	5,078	11.7%	23.0%	8.52	2.26	1,193,762	43,600	1.59%
8	GAS	3.94%	223,549	22,568	5,878	17.5%	25.7%	19.87	5.18	618,259	117,100	77.82%
9	ACV	3.59%	177,787	12,877	2,559	11.1%	20.3%	31.91	6.34	109,473	82,200	19.89%
10	VJC	3.37%	74,201	21,699	8,715	15.1%	45.4%	15.72	6.31	751,580	139,200	51.72%
	Tổng	51.81%										

Dragon Capital (VEF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VPB	14.23%	58,716	13,428	3,065	2.6%	24.1%	7.80	1.78	4,845,440	24,000	-4.98%
2	MWG	13.30%	41,133	23,262	8,487	12.2%	41.3%	15.01	5.48	608,848	128,000	1.34%
3	PNJ	8.57%	16,798	20,764	5,341	18.8%	28.3%	19.40	4.99	534,319	104,000	43.99%
4	FPT	4.88%	26,536	19,170	5,078	11.7%	23.0%	8.52	2.26	1,193,762	43,600	1.59%
5	MBB	4.79%	46,990	13,767	2,083	1.4%	14.9%	10.44	1.58	6,062,194	21,650	14.44%
6	DHG	4.63%	11,950	22,362	4,549	14.3%	21.0%	20.09	4.09	262,767	91,000	-14.94%
7	CTD	4.60%	12,307	97,180	21,408	11.2%	22.5%	7.34	1.62	220,013	157,500	-23.01%
8	CII	4.18%	6,326	20,276	-60	-0.1%	-0.2%	430.58	1.27	679,203	25,550	-26.35%
9	CTI	3.52%	1,616	19,388	2,162	3.1%	9.6%	11.86	1.32	388,776	25,450	-8.06%
10	VCI	3.41%	9,910	22,061	5,633	13.6%	28.3%	10.79	2.76	185,946	61,200	26.02%
	Tổng	62.80%										

VNM ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VIC	6.90%	314,694	13,105	1,136	1.6%	5.8%	86.79	7.52	2,558,796	99,000	118.52%
2	NVL	6.62%	66,560	18,333	2,255	3.7%	13.6%	32.28	3.97	4,095,282	73,400	51.85%
3	VNM	8.29%	219,420	14,956	5,631	28.5%	38.9%	22.38	8.42	1,063,870	126,900	4.72%
4	VCB	5.44%	212,988	16,261	3,140	1.2%	20.3%	18.86	3.64	2,488,113	59,200	53.55%
5	MSN	5.47%	91,424	14,628	5,220	8.9%	26.1%	15.06	5.37	2,502,570	81,000	37.17%
6	ROS	3.86%	22,704	10,141	1,374	7.6%	14.0%	29.11	3.94	1,399,453	38,500	-58.22%
7	HPG	4.89%	86,549	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.61	2.37	5,828,059	41,000	50.13%
8	Mani	4.77%	106	12,084	1,038	6.5%	8.8%	6.74	0.58	31,562	7,100	-3.29%
9	SSI	4.16%	15,150	18,192	2,593	6.6%	14.4%	11.71	1.67	4,426,704	30,800	28.23%
10	Eclat	4.21%	16	17,931	1,776	6.8%	9.5%	5.07	0.50	25	9,000	-30.07%
11	BVH	3.52%	62,659	21,713	1,816	1.3%	8.4%	49.24	4.12	169,337	89,500	62.88%
12	Synopex	2.44%	923	15,508	1,752	8.2%	9.6%	7.85	0.89	36,293	14,200	33.05%
13	SOCO	3.68%	4,141	12,458	1,131	2.7%	6.3%	9.73	0.88	1,474	12,100	0.00%
14	RMIL	2.24%	11	10,483	1,079	0.0%	0.0%	9.26	0.95	0	10,000	0.00%
15	Hansae	4.06%	1,255	10,943	816	0.0%	0.0%	10.90	0.81	102	8,900	-5.94%
16	VCG	1.85%	8,172	14,438	2,875	6.1%	16.7%	6.44	1.28	1,116,665	18,600	-13.22%
17	STB	1.83%	24,530	13,112	819	0.4%	6.3%	16.61	1.04	6,503,620	13,550	17.24%
18	SBT	2.31%	10,131	12,201	1,110	3.0%	8.0%	18.42	1.68	4,181,588	20,600	-14.44%
19	TCH	2.35%	7,684	12,751	1,075	7.8%	8.7%	20.23	1.71	1,115,478	21,800	40.75%
20	MCNEX	1.24%	20	0	-2,371	0.0%	0.0%	-2.36	0.00	45	5,600	5.66%
21	KDC	0.09%	5,306	29,308	-82	-0.2%	-0.2%	-	0.88	369,819	26,000	-29.86%
22	DPM	1.26%	7,044	20,047	1,624	5.9%	7.8%	11.08	0.90	710,443	18,100	-11.00%
23	NT2	1.23%	7,370	12,728	2,980	8.4%	18.5%	8.59	2.01	357,510	25,800	9.12%
24	HKG	0.07%	62	9,660	-1,439	-	-	-0.83	0.12	99,997	1,300	-55.56%
25	DCMI	0.19%	5,453	12,289	925	3.9%	7.8%	11.14	0.84	537,349	10,200	-17.94%
26	U.S.Dollar	-0.17%	322	13,205	2,123	7.3%	14.5%	4.94	0.80	22,300	10,850	13.65%
27	VRE	5.29%	70,720	14,321	1,057	5.6%	7.9%	35.18	2.60	2,283,966	37,600	0.00%
28	VIC	6.90%	314,694	13,105	1,136	1.6%	5.8%	86.79	7.52	2,558,796	99,000	118.52%
Tổng		100%										

FTSE Vietnam Index ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	15.60%	86,549	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.61	2.37	5,828,059	41,000	50.13%
2	VIC	15.41%	314,694	13,105	1,136	1.6%	5.8%	86.79	7.52	2,558,796	99,000	118.52%
3	MSN	15.32%	91,424	14,628	5,220	8.9%	26.1%	15.06	5.37	2,502,570	81,000	37.17%
4	VNM	12.55%	219,420	14,956	5,631	28.5%	38.9%	22.38	8.42	1,063,870	126,900	4.72%
5	VCB	6.80%	212,988	16,261	3,140	1.2%	20.3%	18.86	3.64	2,488,113	59,200	53.55%
6	NVL	5.84%	66,560	18,333	2,255	3.7%	13.6%	32.28	3.97	4,095,282	73,400	51.85%
7	ROS	5.14%	22,704	10,141	1,374	7.6%	14.0%	29.11	3.94	1,399,453	38,500	-58.22%
8	PVS	5.10%	9,068	23,998	1,621	3.1%	6.0%	12.53	0.85	5,224,950	21,100	29.06%
9	SSI	4.08%	15,150	18,192	2,593	6.6%	14.4%	11.71	1.67	4,426,704	30,800	28.23%
10	STB	2.88%	24,530	13,112	819	0.4%	6.3%	16.61	1.04	6,503,620	13,550	17.24%
Tổng		88.72%										

MSCI Frontier Markets Index												
STT	Ma CP	% Phân bố	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnđ	vnđ	vnđ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnđ	%
1	VNM	5.65%	219,420	14,956	5,631	28.5%	38.9%	22.38	8.42	1,063,870	126,900	4.72%
2	VIC	2.76%	314,694	13,105	1,136	1.6%	5.8%	86.79	7.52	2,558,796	99,000	118.52%
3	MSN	1.81%	91,424	14,628	5,220	8.9%	26.1%	15.06	5.37	2,502,570	81,000	37.17%
4	HPG	1.43%	86,549	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.61	2.37	5,828,059	41,000	50.13%
5	ROS	0.63%	22,704	10,141	1,374	7.6%	14.0%	29.11	3.94	1,399,453	38,500	-58.22%
6	NVL	0.58%	66,560	18,333	2,255	3.7%	13.6%	32.28	3.97	4,095,282	73,400	51.85%
7	VRE	0.48%	70,720	14,321	1,057	5.6%	7.9%	35.18	2.60	2,283,966	37,600	0.00%
8	SSI	0.45%	15,150	18,192	2,593	6.6%	14.4%	11.71	1.67	4,426,704	30,800	28.23%
9	STB	0.32%	24,530	13,112	819	0.4%	6.3%	16.61	1.04	6,503,620	13,550	17.24%
10	SAB	0.28%	142,364	24,496	7,384	22.0%	30.1%	30.06	9.06	85,733	223,000	-16.72%
11	PVS	0.20%	9,068	23,998	1,621	3.1%	6.0%	12.53	0.85	5,224,950	21,100	29.06%
12	SBT	0.19%	10,131	12,201	1,110	3.0%	8.0%	18.42	1.68	4,181,588	20,600	-14.44%
13	HSG	0.15%	4,388	13,568	1,861	3.1%	13.4%	6.13	0.84	3,961,556	11,500	-52.62%
14	TCH	0.14%	7,684	12,751	1,075	7.8%	8.7%	20.23	1.71	1,115,478	21,800	40.75%
15	DPM	0.13%	7,044	20,047	1,624	5.9%	7.8%	11.08	0.90	710,443	18,100	-11.00%
16	KBC	0.10%	5,966	18,217	937	2.8%	4.8%	13.55	0.70	2,547,230	12,800	-4.87%
Tổng		15.3%										

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Gía Mua cao nhất	Gía Bán cao nhất	Cắt lỗ	Gía đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	FMC	27.8	30.8	25.3	27.90	27.5					Chờ khớp
	HBC	24.7	27.4	22.5	24.90	24.5					Chờ khớp
	PVD	19.1	21.2	17.4	19.40	18.9					Chờ khớp
	LTG	38.5	42.7	35.1	38.80	38.10					Chờ khớp
Danh Mục Đang Nằm Giữ	VSC	45.2	50.2	41.2	44.95	44.8		15/10/2018		0.3%	Nằm giữ
	TDT	11.9	13.2	10.9	12.50	11.80		15/10/2018		5.9%	Nằm giữ
	CTI	26.4	29.2	24.0	25.45	26.1		11/10/2018		-2.5%	Nằm giữ
	LHG	23.5	26.1	21.4	23.10	23.3		11/10/2018		-0.9%	Nằm giữ
	L14	47.7	52.9	43.4	47.00	47.2		11/10/2018		-0.4%	Nằm giữ
	MBG	5.3	5.8	4.8	5.00	5.2		11/10/2018		-3.8%	Nằm giữ
	PTB	62.1	68.9	56.6	65.50	61.50		21/09/2018		6.5%	Cần bán
	VNS	17.4	19.3	15.8	18.45	17.20		18/09/2018		7.3%	Nằm giữ
	CAP	42.1	46.7	38.4	40.50	41.70		31/08/2018		3.0%	Cần bán
	SAB	206.0	228.5	187.7	223.00	204.00		10/08/2018		9.3%	Nằm giữ
QNS	40.2	44.6	36.6	44.10	39.8		20/07/2018		10.8%	Nằm giữ	

Danh Mục Đã Bán	NTC	65.7	72.8	59.8	73.30	65.00	74.0	16/08/2018	02/10/2018	29.5%	Đã bán
	POM	15.2	16.8	13.8	17.80	15.00	14.5	13/09/2018	08/10/2018	24.3%	Đã bán
	PAC	40.8	45.2	37.2	44.50	40.40	45.2	10/09/2018	12/10/2018	11.9%	Đã bán
	NDN	14.0	15.6	12.8	15.10	13.90	15.5	07/09/2018	12/10/2018	11.5%	Đã bán
	DVN	17.1	18.9	15.5	17.80	16.90	17.7	21/09/2018	09/10/2018	4.7%	Đã bán
	SSI	32.0	35.5	29.2	33.20	31.70	33.2	12/09/2018	02/10/2018	4.7%	Đã bán
	DHG	93.4	103.6	85.1	97.00	92.50	97.0	14/09/2018	03/10/2018	4.9%	Đã bán
	DCM	10.4	11.5	9.5	10.90	10.30	10.8	20/09/2018	08/10/2018	4.9%	Đã bán
	PDR	25.9	28.7	23.6	26.50	25.60	26.5	12/09/2018	08/10/2018	3.5%	Đã bán
	CAV	55.7	61.7	50.7	57.50	55.10	57.5	14/08/2018	08/10/2018	4.4%	Đã bán
	HSG	11.2	12.4	10.2	12.55	11.10	11.7	14/09/2018	11/10/2018	5.4%	Đã bán
	BMP	58.0	64.3	52.8	63.00	57.40	58.6	18/09/2018	11/10/2018	2.1%	Đã bán
	PHR	26.6	29.5	24.2	28.00	26.30	26.4	18/09/2018	11/10/2018	0.4%	Đã bán
	DPR	37.1	41.1	33.8	37.50	36.70	37.6	23/08/2018	12/10/2018	2.5%	Đã bán
	PPC	18.2	20.2	16.6	18.25	18.0	18.7	19/07/2018	12/10/2018	3.9%	Đã bán
	FMC	28.0	31.0	25.5	27.60	27.7	27.7	03/10/2018	08/10/2018	0.0%	Đã bán
	MBB	23.5	26.1	21.4	21.25	23.3	21.7	09/10/2018	12/10/2018	-6.9%	Đã bán
	TPB	26.6	29.5	24.2	24.90	26.3	25.2	09/10/2018	12/10/2018	-4.2%	Đã bán
	VIP	7.3	8.0	6.6	7.00	7.2	7.1	08/10/2018	12/10/2018	-1.1%	Đã bán
	PNJ	105.0	116.5	95.7	102.20	104.0	103.5	01/10/2018	12/10/2018	-0.5%	Đã bán
	TDH	11.7	12.9	10.6	11.45	11.6	11.5	25/09/2018	12/10/2018	-0.4%	Đã bán
	DQC	29.7	32.9	27.0	28.00	29.4	28.9	24/09/2018	12/10/2018	-1.7%	Đã bán
	EIB	14.2	15.8	13.0	13.50	14.10	13.7	22/08/2018	12/10/2018	-2.8%	Đã bán
	BFC	26.7	29.6	24.3	25.80	26.4	26.0	24/07/2018	12/10/2018	-1.5%	Đã bán
	LTG	38.4	42.6	35.0	36.50	38.00	36.9	25/06/2018	12/10/2018	-2.9%	Đã bán
	AMD	3.7	4.1	3.4	3.58	3.70	3.4	05/09/2018	11/10/2018	-8.1%	Đã bán
	NT2	27.9	30.9	25.4	26.10	27.60	25.0	14/09/2018	11/10/2018	-8.0%	Đã bán
	DCL	14.3	15.9	13.1	13.35	14.2	13.1	02/10/2018	11/10/2018	-7.7%	Đã bán
	BVS	15.5	17.1	14.1	15.00	15.3	14.1	03/10/2018	11/10/2018	-7.8%	Đã bán
	BID	36.4	40.3	33.1	35.35	36.0	33.1	05/10/2018	11/10/2018	-8.1%	Đã bán
	ASM	12.8	14.2	11.7	12.10	12.70	12.1	05/09/2018	10/10/2018	-4.7%	Đã bán
	CSV	36.8	40.8	33.5	35.20	36.40	36.0	21/09/2018	03/10/2018	-1.1%	Đã bán
	EVE	16.7	18.5	15.2	16.40	16.5	16.3	26/07/2018	02/10/2018	-1.2%	Đã bán
	FLC	6.3	6.9	5.7	6.04	6.2	5.7	26/09/2018	09/10/2018	-8.1%	Đã bán
	PAN	59.5	66.0	54.2	56.00	58.90	56.0	21/08/2018	02/10/2018	-4.9%	Đã bán
SLS	65.7	72.8	59.8	62.50	65.00	63.4	31/08/2018	01/10/2018	-2.5%	Đã bán	
FMC	21.5	23.9	19.6	26.10	21.30	26.5	13/08/2018	17/09/2018	24.4%	Đã bán	
PVT	15.0	16.7	13.7	16.75	14.9	17.0	12/07/2018	28/08/2018	21.5%	Đã bán	
PVS	16.7	18.5	15.2	18.90	16.5	19.2	19/07/2018	16/08/2018	16.4%	Đã bán	
NVB	7.4	8.2	6.7	8.10	7.30	8.2	15/08/2018	28/08/2018	12.3%	Đã bán	
OGC	2.0	2.2	1.8	2.10	2.00	2.2	08/08/2018	16/08/2018	10.0%	Đã bán	
CEO	12.9	14.3	11.8	13.80	12.80	13.5	15/08/2018	05/09/2018	10.9%	Đã bán	
DXG	25.3	28.0	23.0	27.20	25.0	27.0	02/08/2018	05/09/2018	8.0%	Đã bán	
GMD	25.3	28.0	23.0	27.00	25.0	27.0	02/08/2018	13/09/2018	8.0%	Đã bán	
PVD	13.7	15.2	12.5	15.10	13.6	14.6	02/08/2018	16/08/2018	7.4%	Đã bán	
OIL	14.4	16.0	13.2	15.10	14.3	15.2	20/07/2018	16/08/2018	6.3%	Đã bán	

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs.research@vn-cs.com

Người thực hiện: **Lưu Chí Kháng**
Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: khanglc@vn-cs.com

Người thực hiện: **Đỗ Thị Hương**
Trợ lý Phân tích
Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu
Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Nguyễn Đức Minh

Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: minhnd@vn-cs.com

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích
Email: lientvp@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích
Email: duongvt@vn-cs.com

**Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô
và Thị trường Chứng khoán**

Lưu Chí Kháng

Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: khanglc@vn-cs.com

Đỗ Thị Hương

Trợ lý Phân tích
Email: huongdt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến -20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099
Webiste: www.vn-cs.com